

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản số: 28/2019/DSST- ST

Ngày 17/10/2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Phan Hữu Tỳ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk
Glong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 02
năm 2019 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”* theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐST-DS, ngày 20 tháng 8 năm 2019;
Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn T, địa chỉ: Số 2/5, đường C, phường H, thành phố
P, tỉnh Gia Lai; ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Số 14, Ngõ 104, tổ 15, phường K, quận
Hà Đông, thành phố Hà Nội (*Đều có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, địa chỉ: Thôn Q (*Thôn 2*), xã Q, huyện Đ, tỉnh
Đắk Nông (*vắng mặt*).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Giang Thị M, địa chỉ: Thôn Q
(*Thôn 2*), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*vắng mặt*).

Bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Số 2/5, đường C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia
Lai (*ủy quyền cho ông Vũ Văn T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 18/4/2019;*
Bà Đỗ Thị A địa chỉ: Số 14, Ngõ 104, tổ 15, phường K, quận H, thành phố Hà Nội (*ủy
quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 16/4/2019*).

Công ty TNHH TM Đình Nghệ, địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk
Nông. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, địa chỉ: Thôn Q (*Thôn 2*),
xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, kèm theo tài liệu, chứng cứ vào các văn
bản đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Vũ Văn T và ông Nguyễn
Văn H trình bày:

Vào ngày 24/11/2015, ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn
K xác lập 01 hợp đồng, theo đó Nguyễn Văn K đã ký chuyển nhượng toàn bộ diện¹

tích đất dự án, chăn nuôi, trồng rừng tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông của công ty TNHH TM Đình Nghệ (*Gọi tắt là Công ty Đình Nghệ*), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 122920, BA 122911, BA122906 của Ủy ban nhân dân (*Viết tắt UBND*) tỉnh Đắk Nông cấp ngày 09/02/2010, giấy phép đầu tư số 631221000053 cấp ngày 14/10/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông và Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 26/11/2012, Quyết định 401/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông tại địa chỉ khoảnh 8 và khoảnh 9 thuộc Tiểu khu 1658 xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông T và ông H. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 12.000.000.000đ (*mười hai tỷ đồng*). Trong quá trình thực hiện hợp đồng theo lộ trình hai bên đã thỏa thuận và ký kết: Ngày 15/11/2015 ông T và ông H đặt cọc 100.000.000đ cho ông K; ngày 26/11/2015 ông T và ông H chuyển 3.000.000.000đ cho ông K; ngày 15/01/2016 ông T và ông H chuyển 2.900.000.000đ cho ông K. Tổng cộng 03 đợt là 6.000.000.000đ (*sáu tỷ đồng*). Ngày 7/4/2016 hai bên lập Biên bản thống nhất trước ngày 30/4/2016 ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm chuyển giao cho ông T, ông H 30ha đất đất sạch (*không có rừng, không có tranh chấp*) và trong tháng 5/2016 ông K tiếp tục có nghĩa vụ giao tiếp 20 ha đất sạch cho ông T, ông H.

Đến ngày 19/6/2016 ông K không có đất để bàn giao cho ông T và ông H nên hai bên thống nhất lập biên bản đến ngày 30/8/2016 ông K sẽ thanh toán số tiền gốc 6.000.000.000đ tiền gốc, tiền lãi của số tiền này và tiền bồi thường là 970.000.000đ (*bao gồm tiền lãi trong hạn thỏa thuận 467.000.000đ và tiền bồi thường thiệt hại 503.000.000đ*). Tổng cộng là 6.970.000.000đ (*sáu tỷ chín trăm bảy mươi triệu*) cho ông T và ông H. Tuy nhiên cho đến nay ông Nguyễn Văn K chưa thanh toán số tiền nêu trên cho ông T và ông H. Ông T và ông H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ buộc: Ông Nguyễn Văn K phải trả lại tổng số tiền 6.970.000.000đ (*sáu tỷ chín trăm bảy mươi triệu*), bao gồm 6.000.000.000đ tiền gốc và 970.000.000đ tiền lãi và tiền bồi thường (*tiền lãi 467.000.000đ; các khoản bồi thường khác 503.000.000đ*) và tiền lãi đến ngày 30/8/2016; buộc Ông Nguyễn Văn K phải trả tiền lãi quá hạn 150% mức lãi suất ghi trong biên bản ngày 19/8/2016 cho ông T và ông H cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền 503.000.000đ (*trong tổng số tiền lãi và tiền bồi thường thiệt hại 970.000.000đ*) thì ông T và ông H cho rằng đã đầu tư trên đất số tiền trên nhiên ông Vũ Văn T và ông Nguyễn Văn H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này.

Ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn K cho rằng việc các ông ký kết hợp đồng với cá nhân ông Nguyễn Văn K không liên quan gì đến công ty Thành Được (*do ông K soạn sẵn và ghi vào*) và Công ty Đình Nghệ, ông K ký hợp đồng với tư cách cá nhân và nhận tiền vào tài khoản cá nhân, tại các thỏa thuận về sau xác định trách nhiệm trả tiền lại khi chấm dứt hợp đồng ông Khanh đều cam kết với tư cách cá nhân và không chứng minh được sự liên quan của các Công ty trên.

Tại phiên tòa ông T, ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường thiệt hại 503.000.000đ và yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải trả tiền gốc tính từ ngày 15/8/2016 là 6.467.000đ đến thời điểm xét xử sơ thẩm, thời gian tính lãi là 1.157 ngày (*lãi suất 150%*), cụ thể là 3.233.500đ/ngày.

Tiền gốc: 6.000.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 467.000.000đ

Tiền lãi quá hạn $1.157 \text{ ngày} \times 3.233.500\text{đ}/\text{ngày} = 3.741.159.500\text{đ}$.

Ông T, ông H đề nghị đưa bà Giang Thị M (*vợ ông K*) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì ông T, ông H cho rằng ông K xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của vợ ông K (*bà Giang Thị M*), do bà M biết việc ông K xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng với ông T, ông H và có nhận tiền chuyển nhượng do đó phải đưa bà M vào tham gia tố tụng cũng như buộc bà M phải có trách nhiệm cùng ông K trả số tiền 6.467.000.000đ và tiền lãi quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T và ông H.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn K khai báo: Ông K và ông T, ông H có xác lập 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tư cách cá nhân ông K, cụ thể vào năm 2015 ông H, ông T có đến nhờ ông K mua lại Công ty Đinh Nghệ, sau đó ông T, ông H tự vào Công ty Đinh Nghệ tìm hiểu và xem đất, đem bản đồ của Công ty đi kiểm tra và nhờ ông K mua và làm biên bản thỏa thuận và ông K là người đứng ra chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Đinh Nghệ cho ông T, ông H. Diện tích đất chuyển nhượng là 100 ha đất sạch với giá 12.000.000.000đ và đặt cọc là 100.000.000đ, do Công ty giao đất còn rừng nên ông T, ông H không chịu nhận. Ông K đã nhận của ông T, ông H số tiền 6.000.000.000đ (*sáu tỷ đồng*) ông K cho rằng ông được Công ty Đinh Nghệ ủy quyền cho ông sang nhượng đất cho ông T, ông H và ông K đã chuyển lại số tiền này cho Công ty Đinh Nghệ nhưng ông K không có tài liệu, giấy tờ chứng minh. Hiện tại ông K đang là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật cho Công ty Đinh Nghệ. Ông K thừa nhận hai bên lập thỏa thuận thống nhất không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xử lý hậu quả của hợp đồng. Ông K đồng ý trả lại số tiền đã nhận cho ông T, ông H nhưng không đồng ý bồi thường số tiền 503.000.000đ. Lý do ông K không trả tiền cho ông T, ông H là do ông T, ông H tố cáo ông lừa đảo nên không thể bán đất trả tiền cho ông T và ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn K và bà Giang Thị M, Công ty TNHH TM Đinh Nghệ không hợp tác làm việc và cố tình trốn tránh, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Q, huyện Đ, kết quả:

Bà Giang Thị M và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp và có hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Do bà Giang Thị M và ông Nguyễn Văn K, và Công ty Đinh Nghệ (*đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Khanh*) không tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn K, bà Giang Thị M, đại diện theo pháp luật của công ty Đinh Nghệ (*ông Nguyễn Văn K*) vắng mặt lần thứ 02 không lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Tiệp và ông Nguyễn Văn Hùng.

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Vũ Văn T và ông Nguyễn Văn H khởi kiện ông Nguyễn Văn K tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K, có địa chỉ HKTT tại: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông phải trả nợ số tiền 6.000.000.000đ; tiền lãi và tiền bồi thường thiệt hại 970.000.000 và tiền lãi quá hạn phát sinh. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

[2] Về thời hiệu: Ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn H xác lập với ông Nguyễn Văn K 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó do không có đất để giao cho ông T, ông H nên ông K đã xác lập với ông T, ông H 01 thỏa thuận nhằm thanh lý hợp đồng trên và theo đó ông K có trách nhiệm trả số tiền 6.967.000.000đ, hẹn trả vào ngày 30-08-2016, tuy nhiên đến hạn trả nợ ông K không trả, ông T, ông H khởi kiện ông Nguyễn Văn K tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong. Xét thấy việc khởi kiện của ông T, ông H còn thời hiệu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử nhận định:

Việc ông Vũ Văn T và ông Nguyễn Văn H xác lập với ông Nguyễn Văn K 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có thật, theo hợp đồng, ông Nguyễn Văn K chuyển nhượng cho ông T, ông H diện tích đất 100 ha, với số tiền 12.000.000.000đ và ông T, ông H đã giao cho ông chuyển vào tài khoản cá nhân của ông K 6.000.000.000đ (*có chứng từ ghi nhận*), tuy nhiên sau đó ông K không có đất nên hai bên đã xác lập 01 thỏa thuận dân sự vào ngày 19/8/2015 nhằm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên đồng thời xác định ông K có trách nhiệm trả lại cho ông T, ông H 6.970.000.000đ.

Ông K thừa nhận ký hợp đồng chuyển nhượng với tư cách cá nhân và ông đã nhận số tiền 6.000.000.000đ được ông T, ông H chuyển vào tài khoản của ông K (*bao gồm đặt cọc và chuyển khoản vào tài khoản cá nhân ông Nguyễn Văn K*)

Ông K cho rằng ông được Công ty Đĩnh Nghệ ủy quyền cho ông thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông đã chuyển số tiền cho Công ty Đĩnh Nghệ nhưng ông K (*đã được Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh*) không hợp tác làm việc, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đối với nội dung khai báo trên. Ông K thừa nhận có thống nhất thỏa thuận với ông T, ông H trả lại tiền cho ông T, ông H bao gồm tiền gốc và tiền lãi, tuy nhiên ông không đồng ý số tiền bồi thường 503.000.000đ.

Như vậy, xét thấy việc ông T, ông H và ông K đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tự nguyện và các bên không có tranh chấp gì về nội dung này nên không xem xét. Tại biên bản thỏa thuận ngày 19/8/2015 ông K đồng ý trả cho ông T, ông H số tiền 6.000.000.000đ và tiền lãi 467.000.000đ tiền lãi phát sinh nhưng không đồng ý bồi thường thiệt hại đối với số tiền 503.000.000đ.

Do các bên đã có thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 24/11/2015 và lập biên bản thống nhất về việc trả lại tiền gốc, tiền lãi và bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ buộc ông K có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T,

ông H số tiền đã nhận 6.000.000.000đ (sáu tỷ đồng) và tiền lãi trong hạn 467.000.000 đ và tiền lãi quá hạn phát sinh (ông T, ông H và ông K đã thỏa thuận). Tại phiên tòa ông Vũ Văn T và ông Nguyễn Văn H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 503.000.000 việc này là tự nguyện nên căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 217 đình chỉ giải quyết là phù hợp. Ông T, ông H yêu cầu ông K và bà M cùng có trách nhiệm thanh toán cho ông T, ông H số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ đồng) và tiền lãi trong hạn thỏa thuận 467.000.000đ và tiền lãi quá hạn cụ thể đến thời điểm xét xử sơ thẩm

Xét thấy tại Biên bản thống nhất ngày 19/8/2016 tại: Mục II. Nội dung 2. Những vấn đề trao đổi ngày 19/8/2016 các bên đã thống nhất thỏa thuận:

a/.....

b/ Bên B đề nghị bên A chấp thuận gia hạn thêm 15 ngày (tức hết ngày 30/8/2016) để ông Nguyễn Văn K (bên B) thu xếp tiền trả cho bên A. Ông K cam kết trả lãi quá hạn 150% so với mức lãi hiện tại cho toàn bộ số tiền nợ tại thời điểm 15/8/2015 (tính mỗi ngày chậm trả là 3.485.000đ/ngày)

Do ông Nguyễn Văn K vi phạm thời hạn trả nợ từ ngày 15/8/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (17/10/2019) nên cần buộc ông Nguyễn Văn K và bà Giang Thị M cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền, cụ thể:

Tiền gốc 6.000.000.000đ và tiền lãi trong hạn 467.000.000đ.

Tiền lãi quá hạn: Tiền lãi quá hạn 1.157 ngày x 3.233.500đ/ngày = 3.741.159.500đ. Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu của ông T, ông H là phù hợp.

Ông T, ông H cho rằng tại Biên bản thỏa thuận có ghi nhầm thời điểm ngày 15/8/2015, chính xác là ngày 15/8/2016, ông T, ông H khai báo do đánh máy sai sót, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn K, bà Giang Thị M, và đại diện theo pháp luật của Công ty Đình Nghệ ông Nguyễn Văn K không hợp tác làm việc và cố tình trốn tránh nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa vắng mặt ông K, bà M, đại diện theo pháp luật của Công ty Đình Nghệ lần thứ 02 không lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt đối với ông K, bà M, đại diện theo pháp luật của Công ty Đình Nghệ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự có căn cứ pháp luật.

Xét ý kiến của ông Vũ Văn T và ông Nguyễn Văn H không liên quan đến Công ty Thành Được và Công ty Đình Nghệ có cơ sở. Xét khai báo của ông K đã chuyển tiền cho Công ty Đình Nghệ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm của Công ty Đình Nghệ, do đó cần buộc ông Nguyễn Văn K và bà Giang Thị M cùng có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi cho ông T, ông H đối với số tiền 6.000.000.000đ và tiền lãi trong hạn 467.000.000đ và tiền lãi quá hạn: 3.741.159.500đ là có căn cứ pháp luật và phù hợp.

[4] Về án phí: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là phù hợp. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1

Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 697 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn H.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Giang Thị M có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn H số tiền gốc 6.000.000.000đ, tiền lãi trong hạn 467.000.000đ và lãi quá hạn 3.741.159.500đ.

2.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn H đối với số tiền bồi thường thiệt hại 503.000.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, kể từ ngày 18-10-2019 đến khi thi hành xong.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Giang Thị M phải chịu 174.208.000đ (*Một trăm bảy mươi tư triệu hai trăm linh tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Vũ Văn T, ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí 57.485.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003882, ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được nêo yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được nêo yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSNS huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

